

Bản án số: 1260/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương
2. Ông Vũ Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Kiều – Thư ký của Tòa án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 983/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy M – sinh năm 1973;

Địa chỉ: 57 Đường T, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Ngô Trâm P – sinh năm 1971;

Địa chỉ: 947/13/7 Đường H, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Trâm P tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận số 114, ngày 23/11/2010.

Vợ chồng chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P không muốn có con với bà, lạnh nhạt tình cảm với bà và do ông P có người phụ nữ khác. Hai bên đã sống ly thân được 05 năm. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn đối với ông Ngô Trầm P.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn ông Ngô Trầm P trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống, kết hôn như bà M trình bày. Tuy nhiên bà M trình bày vợ chồng đã ly thân 05 năm nay là không đúng vì hai bên mới ly thân được 04 tháng, từ khi ông bị bệnh. Trong thời gian hai bên chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng là do bà M hay nghi ngờ, ghen tuông. Ông nhận thấy giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn, bản thân không còn tình cảm với vợ và cũng không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì ông là người có đạo.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bị đơn xác định không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy M giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có.

Bị đơn ông Ngô Trầm P có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 114, ngày 23/11/2010 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Ngô Trầm P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do bị đơn hiện đang cư trú tại Phường

B, quận A căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Trầm P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn vì cho rằng quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà đã có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do bị đơn không muốn có con, lạnh nhạt tình cảm với nguyên đơn và do ông Ngô Trầm P có người phụ nữ khác. Hiện tại cả hai đã sống ly thân được 05 năm. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng. Bị đơn xác định không còn tình cảm với vợ và cũng không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Lý do bị đơn không đồng ý ly hôn vì ông là người có đạo. Xét, tình trạng hôn nhân của hai đương sự thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Cả hai xác định không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, Điều 227 và Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy M;

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Ngô Trâm P.

- Về nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy M chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Thùy M đã nộp theo biên lai thu số 0007023 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Trâm P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND Phường B, quận A,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Trần Ái Vy